

Bản án số: **04/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 20 - 01 - 2021

*“V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Dương Thị Thu Hà**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thế Căn** và bà **Nguyễn Thị Ngọc**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đặng Thu Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa:** Bà **Tạ Thị Huyền**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐ-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trịnh Hồng Th**, sinh năm 1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 4, Khu 5, phường Tr, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Chị **Trịnh Thị M**, sinh năm: 1974; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt; Chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm thể hiện tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn anh Trịnh Hồng Th thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị M chung sống và đăng ký kết hôn ngày 10/7/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Đông, thị xã (nay là thành phố) Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu về chung sống, anh và chị M sinh sống tại thôn 7, xã Hải Đông nhưng sau đó do công việc anh phải về nơi đăng ký hộ khẩu để làm việc, anh đã

nói với chị M là nên chuyển vào H sinh sống cùng anh để các con có cơ hội học tập tốt hơn nhưng chị M không nghe mà chị M và các con tiếp tục ở Móng Cái, anh vẫn thu xếp công việc để về thăm vợ và các con. Thời điểm đó, gia đình anh vẫn có cuộc sống gia đình hòa thuận, cũng như nhiều gia đình anh chị thỉnh thoảng cũng có bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, càng chung sống thì chị M càng có nhiều biểu hiện thiếu quan tâm đến gia đình, con cái, chị M thường giao lưu bạn bè dẫn đến anh chị không tìm được tiếng nói chung. Công việc của anh ngày càng bận rộn, anh đã nhiều lần đề cập đến việc vợ chồng nên về chung sống cùng nhau để cùng gánh vác công việc nhưng chị M vẫn tiếp tục không chấp nhận. Đầu năm 2017, mâu thuẫn gia đình anh chị trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị M đã nói chuyện với anh về việc anh chị nên ly hôn, vì các con nên anh không đồng ý nhưng anh và chị M cũng ít liên lạc với nhau. Đến giữa năm 2018 khi anh liên lạc để làm thủ tục tách khẩu cho các con về H thì không liên lạc được với chị M. Nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M không còn quan tâm đến gia đình, không quan tâm chăm sóc chồng con thể hiện thái độ thiếu trách nhiệm với gia đình, không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Do đó, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M. Trường hợp chị M đến Tòa án trình bày nguyện vọng về đoàn tụ thì anh sẽ rút đơn ly hôn; nếu chị M không đến tham gia tố tụng thì anh đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm cho anh được ly hôn chị M.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị M có 02 (hai) con chung là Trịnh Quỳnh A, sinh ngày 18/01/2003 và Trịnh Quỳnh Ch, sinh ngày 19/9/2008. Anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Anh Th có quan điểm: do con chung Trịnh Quỳnh A, sinh ngày 18/01/2003 đến ngày xét xử đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về khoản nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết cho chị Trịnh Thị M. Các văn bản tố tụng trên đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng.

Qua việc tổng đạt các văn bản tố tụng được biết chị M hiện đang đi làm ăn xa, mẹ đẻ chị M là bà Bùi Thị Tường cung cấp thông tin thể hiện, phía gia đình vẫn thông tin cho chị M về các văn bản Tòa án thực hiện tổng đạt cho chị M, đồng thời cũng xác nhận mâu thuẫn giữa chị M và Anh Th kéo dài nhiều năm và đã ly thân nên có quan điểm đồng ý để chị M và Anh Th ly hôn để các con chung đỡ khổ, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Quá trình giải quyết vụ án Anh Th đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Sổ hộ khẩu (02 bản sao);

Giấy chứng minh nhân dân (02 bản sao); Giấy khai sinh (02 bản sao); Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án (bản chính). Phiếu gửi ViettelPost (bản chính).

Chứng cứ do Tòa án thu thập là: Biên bản xác minh tại thôn 7, xã H, thành phố M; Biên bản làm việc về việc không lấy được lời khai của đương sự chị Trịnh Thị M; Biên bản lấy lời khai của các con chung; Biên bản lấy lời khai của mẹ đẻ chị M.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

+ Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Hồng Th

+ Về tình cảm: Xử cho anh Trịnh Hồng Th được ly hôn với chị Trịnh Thị M.

+ Về con chung: Giao con chung Trịnh Quỳnh A, sinh ngày 18/01/2003 và Trịnh Quỳnh Ch, sinh ngày 19/9/2008 cho anh Trịnh Hồng Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về khoản nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh tụng, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trịnh Hồng Th và chị Trịnh Thị M là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Anh Th có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị M nên thuộc trường hợp “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; bị đơn chị Trịnh Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã H, thành phố M theo quy định tại khoản 1

Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- *Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của BLTTDS. Nguyên đơn đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái; do bị đơn không hợp tác nên nguyên đơn đã thực hiện việc gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn qua dịch vụ bưu chính và đã có xác nhận bị đơn nhận được tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn gửi; đồng thời nguyên đơn đã đề nghị Tòa án thực hiện thủ tục thông báo kết quả tiếp cận chứng cứ trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của BLTTDS.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập 02 lần đối với chị Trịnh Thị M cũng như thực hiện giao gửi nhiều lần văn bản đối với chị M. Trên cơ sở nội dung xác minh thể hiện chị M đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng chị M đi làm ăn xa không tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thông báo về thông báo kết quả tiếp cận chứng cứ đồng thời thông báo thời gian, địa điểm mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất cũng như thời gian, địa điểm mở phiên tòa lần thứ 2 (trong trường hợp phải hoãn phiên tòa) trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của BLTTDS. Tuy nhiên trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm lần 1 ngày 31/12/2020, chị Trịnh Thị M vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn chị Trịnh Thị M tại phiên tòa sơ thẩm mở lần 2 đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

Tại phiên tòa ngày 20/01/2021, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Do đó, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đảm bảo đúng qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Hồng Th, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của anh Trịnh Hồng Th và chị Trịnh Thị M là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự quan tâm, chia sẻ dẫn đến ly thân từ giữa năm 2018 đến nay, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Ngoài ra, biên bản xác minh ngày 05/11/2020 tại địa phương thể hiện: thông qua thông tin từ gia đình và những người quen biết của anh chị Thái Mai thì được

biết chị M và Anh Th đã ly thân nhau vài năm trước thời điểm chị M ít có mặt tại địa phương, các con chung cũng không ở cùng với chị M trên địa bàn. Do đó, địa phương thấy có căn cứ xác định mâu thuẫn của anh chị Thái Mai.

Từ đó cho thấy, thực trạng cuộc sống chung giữa vợ chồng anh chị Thái Mai không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, hôn nhân thực tế không còn tồn tại đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của Anh Th, xử cho Anh Th được ly hôn chị M.

- Về con chung: Anh Th và chị M có 02 (hai) con chung là Trịnh Quỳnh A, sinh ngày 18/01/2003 và Trịnh Quỳnh Ch, sinh ngày 19/9/2008. Anh Th yêu cầu được nuôi cả hai con chung đến tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của trẻ em, đề nghị Tòa án giao con chung theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của các cháu Trịnh Quỳnh A và Trịnh Quỳnh Ch thể hiện: Các cháu đang ở H với bố là Trịnh Hồng Th, còn mẹ các cháu là Trịnh Thị M sinh sống ở Móng Cái với bà ngoại, do mẹ các cháu đã lâu không liên lạc và các cháu cũng không liên lạc được với mẹ nên nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng ở với bố là Trịnh Hồng Th.

Hơn nữa, đến thời điểm xét xử là ngày 20/01/2021, cháu Trịnh Quỳnh A đã đủ 18 tuổi, Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với con chung Trịnh Quỳnh A nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ đó, có cơ sở chấp nhận: Giao con chung Trịnh Quỳnh Ch, sinh ngày 19/9/2008 cho anh Trịnh Hồng Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án Anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh Th trình bày không có nên không xét.

- Về khoản nợ chung: Anh Th trình bày không có nên không xét.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Đây là vụ án dân sự sơ thẩm (ly hôn) không có giá ngạch, nên cần buộc nguyên đơn anh Trịnh Hồng Th phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

***Vì các lẽ trên:***

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Hồng Th về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Trịnh Hồng Th được ly hôn với chị Trịnh Thị M.

2. *Về con chung:* Giao con chung Trịnh Quỳnh Ch, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2008 cho anh Trịnh Hồng Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; Trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Buộc anh Trịnh Hồng Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) Anh Th đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000401 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái. Anh Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã H, thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Dương Thị Thu Hà**